

Số: 1600/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 4 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Điều chỉnh nội dung Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 21/5/2018
của UBND thành phố Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung (lần 3) phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống thoát nước ra suối Nậm Con Gin thuộc dự án hệ thống thoát nước thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1075/TTr-TNMT ngày 09/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Truy thu lại kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông **Lù Văn Sung** và bà **Nguyễn Thị Mên** - Cư trú tại Bản Tả Xin Chải 2, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu đã ban hành tại Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ phải truy thu là: **9.318.400 đồng**.

(Bằng chữ: Chín triệu ba trăm mười tám nghìn bốn trăm đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

- **Lý do truy thu:** Để chuyển về bồi thường cho gia đình ông Vàng Văn Tươi.

2. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND thành phố Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc: Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thàng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBND phường Đông phong;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**K/T CHỦ TỊCH
PHO CHỦ TỊCH**



Phạm Minh Tuấn

**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ
(BỔ SUNG LẦN 3)**

Dự án: Hệ thống thoát nước ra suối Nậm Con Gìn thuộc dự án hệ thống thoát nước thành phố

(Kèm theo Quyết định số: 1600/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Họ và tên: Lù Văn Sung, Nguyễn Thị Mến (Truy thu lại tính bồi thường cho gia đình ông Vàng Văn Tươi)				
	Địa chỉ thường trú: Bản Tả Xin Chải 2 - phường Đông Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ phải truy thu (a+b)				9.318.400
a	Về đất				2.329.600
1	Diện tích thu hồi	m ²	89,6		
2	Loại đất:				
2.1	Truy thu đất trồng cây hàng năm khác đã ban hành tại Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND thành phố Lai Châu	m ²	89,6	26.000	2.329.600
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc:				
b	Về chính sách hỗ trợ				6.988.800
1	Truy thu hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác) đã ban hành tại Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND thành phố Lai Châu	m ²	89,6	78.000	6.988.800

Số: 1601/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 4 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định 1142/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND thành phố Lai Châu

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung (lần 3) phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống thoát nước ra suối Nậm Con Gìn thuộc dự án hệ thống thoát nước thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1075/TTr-TNMT ngày 09/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn Minh - Cư trú tại Bản Sáo Xin Chải, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu đã ban hành tại Quyết định 1142/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ phải truy thu là: **10.077.486 đồng.**

(Bằng chữ: Mười triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung (lần 3) phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thàng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông **Nguyễn Văn Minh** có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc: Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thàng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KIT CHU TỊCH
PHÓ CHU TỊCH**



Phạm Minh Tuấn

**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ
(BỔ SUNG LẦN 3)**

Dự án: Hệ thống thoát nước ra suối Năm Con Gìn thuộc dự án hệ thống thoát nước thành phố

(Kèm theo Quyết định số: 460/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Họ và tên: Nguyễn Văn Minh				
	Địa chỉ thường trú: Bản Sáo Xin Chải - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b)				-10.077.486
a	Về tài sản, vật kiến trúc				60.072.714
1	Kè xây đá (16,2*0,4*2,1)	m ³	13,6	392.700	5.343.862
2	Kè xây đá (3,5*0,8*1)	m ³	2,8	392.700	1.099.560
3	Dây thép gai	m	360,0	5.000	1.800.000
4	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	8	48.000	384.000
5	Trát vữa xi măng không đánh màu (3,4*4)+(3,4*1,5)	m ²	18,7	27.500	514.250
6	Lưới B40 (1,5*20) (tính hỗ trợ di chuyển)	m ²	30,0	25.000	750.000
7	Ống sắt φ 60 30 ống* 3m	m	90,0	48.000	4.320.000
8	Ngói PRXM	viên	65,0	45.000	2.925.000
9	Tường xây gạch bi T12cm (10*0,4)	m ²	4,0	127.600	510.400
10	Kè đá xây (0,65*1,8*118)	m ³	138,1	392.700	54.216.162
11	Ống nhựa HDPE φ 90	m	90,0	100.400	9.036.000
12	Ngõ BT đá dăm dày 10cm (48,3*1,3)	m ²	62,8	83.600	5.249.244
13	Trụ bê tông đá xây (2,5*1,6*0,8)*1,5	m ³	4,8	392.700	1.884.960
14	Cống cuốn D=100-300	m	70,0	144.100	10.087.000
15	Cống cuốn D=100-300	m	32,0	144.100	4.611.200
16	Cống cuốn D=100-300	m	100,0	144.100	14.410.000
	Truy thu lại một số hạng mục đã tính tại quyết định 1142/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 (do nhầm lẫn)				
17	Kè xây đá (0,3*1,8*118)	m ³	63,72	392.700	25.022.844
18	Trụ BT đá xây (2,5*1,6*0,8)*3	m ³	10	392.700	3.769.920
19	Ao đào bằng máy trong phạm vi < 50m (3,2*803,3m ²)*50%	m ³	2571	11.000	28.276.160
b	Về cây trồng, vật nuôi				-70.150.200
1	Cây ổi trồng hạt NT3	cây	35	132.000	4.620.000
2	Cây ăn quả trồng hạt NT2	cây	10	66.000	660.000

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
3	Cây cỏ voi	m ²	50	4.800	240.000
4	Sản lượng cá 0,3*695,5m ² (Truy thu lại do sử dụng sai mục đích)	đồng/kg	209	60.000	12.519.000
5	Sản lượng cá 0,3*803,3m ² (Truy thu lại do sử dụng sai mục đích)	đồng/kg	241	60.000	14.459.400
6	Sản lượng cá 0,3*2705,1m ² ảnh hưởng (Truy thu lại do sử dụng sai mục đích)	đồng/kg	812	60.000	48.691.800